TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 12-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 25-10-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 31-10-2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 14-01-1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T1 và bà Lưu Thị D; Chưa có vợ, con; Tiền án: Bản án số 16/2018/HSST ngày 26-9-2018, Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 22-3-2019; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 02-8-2019 đến ngày 11-8-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đỗ Văn V, sinh ngày 18-5-1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Hồng Phong, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Đào Thị C; Chưa có vợ, con; Tiền án: Bản án số 10/2016/HSST ngày 27-5-2016, Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 20-01-2018; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 02-8-2019 đến ngày 11-8-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Hoàng Đình H, vắng mặt;

2. Ông Trần Văn D, vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Mạnh H1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và Đỗ Văn V là bạn quen biết với nhau từ trước. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02-8-2019, T đi đến nhà và rủ V đi đến khu vực nuôi trồng thủy sản thuộc tổ 8, phường N để trộm cắp tài sản, V đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-0890 chở Tuân đi đến khu vực nuôi trồng thủy sản thuộc tổ 8, phường N. Trên đường đi cả hai nhặt được một chiếc làn xách tay màu xanh vàng, cao 30 cm, rộng 25 cm; một bao dứa màu trắng, trên vỏ bao có chữ HI-PO7701. Khi đến nơi, thấy nhà của ông Phạm Văn P không có người trông coi, V dừng xe lại để cạnh nhà ông P rồi đi vào trong sân, còn T ở ngoài cảnh giới. V dùng tay phải giật mạnh cửa sổ cho bung ra rồi chui vào trong nhà thấy có 03 máy bơm nước dạng đứng, màu xanh trắng; 02 máy bơm nước dạng đứng, màu nâu; 01 máy bơm nước dạng nằm; 01 mô tơ đã han rỉ, hình trụ; 01 cuộn dây điện màu ghi. V mở cửa lách ra rồi lần lượt vận chuyển toàn bộ số tài sản đó ra và T đi vào cùng với V bê ra chỗ để xe. T cho 01 máy bơm nước dạng nằm, 01 mô tơ, 01 cuộn dây điện vào bao dứa để ở võng yên xe; cho 05 chiếc máy bơm dạng đứng vào chiếc làn cầm ở trên tay rồi ngồi sau xe, còn V điều khiển xe đi ra khỏi nhà ông P. Khi đi được khoảng 100 mét thì gặp ông Trần Văn D và ông Hoàng Đình H. Do nghi ngờ V, T trộm cắp tài sản nên ông H đã túm vào đuôi xe kéo lại làm chiếc xe đổ ra đường, tài sản trộm cắp bị rơi xuống đất, trong đó có 01 chiếc máy bơm dạng đứng màu xanh trắng bị rơi xuống mương nước. T và V bỏ chạy, cùng lúc đó Công an quận Đ đi đến kết hợp với quần chúng nhân dân bắt giữ T,V vào hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Còn 01 chiếc máy bơm dạng dứng, màu nâu bị rơi xuống mương nước, Cơ quan Điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Tại Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐG ngày 05-8-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 03 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP, màu xanh trắng có giá trị là 1.050.000 đồng (350.000 đồng/chiếc); 01 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP, màu nâu có giá trị là 250.000 đồng; 01 máy bơm nước dạng nằm, nhãn hiệu PUMP 1DK-15 giá trị là 50.000 đồng; 01 cuộn dây điện nhãn hiệu CADI - SUN màu ghi, dài 48 mét có giá trị là 134.400 đồng. Tổng giá trị của các tài sản nêu trên là 1.484.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 11/KL-HĐĐG ngày 23-9-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 01 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP, màu nâu có giá trị là 250.000 đồng; 01 mô tơ không rõ nhãn hiệu đã bị han rỉ có giá trị là 205.000 đồng. Tổng giá trị của các tài sản trên là 455.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 24-10-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố các bị cáo T, V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo T, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố; các bị cáo thừa nhận đã cùng nhau lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị đúng như Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng của vụ án bị Cơ quan Điều tra thu giữ đúng như Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị hại là ông Phạm Văn P vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai thể hiện ông P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Người làm chứng ông H, ông H1 và ông D vắng mặt, Kiểm sát viên công bố lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá là 1.939.000 đồng, các bị cáo đều có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đối với các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại và vật chứng bị mất không thu hồi được đề nghị không xem xét. Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 làn xách tay màu xanh vàng; 01 bao dứa màu trắng, trên vỏ bao có chữ HI-PO 7701 và tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 16H4-0890 đã qua sử dụng của V theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra và Điều tra viên Công an quận Đ; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Văn T và Đỗ Văn V tại phiên toà phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng 15 giờ ngày 02-8-2019, tại khu vực nuôi trồng thủy sản thuộc tổ dân phố 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, các bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn P có tổng giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 1.939.000 đồng. Bị cáo T có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản và bị cáo V có một tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn trộm cắp tài sản.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền ăn tiêu.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn và tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] *Xét vai trò của các bị cáo:* Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện

một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo V với vai trò tích cực, sử dụng phương tiện là xe mô tô của V chở T và cùng với T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng:

[12] 03 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP, màu xanh trắng; 01 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP, màu nâu; 01 máy bơm nước dạng nằm, nhãn hiệu PUMP 1DK-15; 01 cuộn dây điện nhãn hiệu CADI - SUN màu ghi đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho chủ sở hữu là ông P là có căn cứ;

[13] 01 làn xách tay màu xanh vàng; 01 bao dứa màu trắng, trên vỏ bao có chữ HI-PO 7701 là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] 01 xe mô tô biển kiểm soát 16H4-0890 đã qua sử dụng của V là phượng tiện T và V dùng vào việc trộm cắp tài sản cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[15] Đối với 01 máy bơm nước dạng đứng, nhãn hiệu CLUMP do Tuân và V trộm cắp của ông P đã bị rơi mất trong quá trình T, V bỏ chạy khi bị bắt quả tang hiện không thu hồi được nên Hội đồng xét xử xem xét.

Về vấn đề khác:

[16] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[17] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn T 12 *(Mười hai)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02-8-2019.

Bị cáo Đỗ Văn V 12 *(Mười hai)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02-8-2019.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (*Một*) làn xách tay màu xanh vàng; 01 (*Một*) bao dứa màu trắng, trên vỏ bao có chữ HI-PO 7701;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (*Một*) xe mô tô biển kiểm soát 16H4-0890 đã qua sử dụng của V.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Buộc các bị cáo T và V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo T và bị cáo V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là ông Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đ;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

Về số tiền thu lời bất chính: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Mạnh phải nộp số tiền lại 780.000 đồng, bị cáo Hiếu phải nộp lại số tiền 760.000 đồng tiền thu lời bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 780.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Vì bị cáo Hiếu đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bà Duyền, chị Tâm không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm; đồng thời bị cáo Hiếu không yêu cầu bị cáo Mạnh phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại.